

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ  
NHÂN LỰC VIỆT NAM**



## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ  | 5 - 6   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017   | 7 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016           | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017    | 14 - 41 |

\*\*\*\*\*

11  
C  
C  
D  
N  
V  
N

M.S.C.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp là 0102307343, bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ (từ 50 tỷ đồng lên thành 172 tỷ đồng) và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 10 năm 2016.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 3 573 8555
- Fax : 024 3 856 4666

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
  - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
  - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
  - Xây dựng đường hầm;
  - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
  - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
  - Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
  - Cho thuê xe có động cơ;
  - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
  - Cung ứng lao động tạm thời;
  - Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
  - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTĐBXH-GP ngày 09/11/2009);
  - Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên          | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch     | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Kim Ngọc Nhân  | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Ủy viên      | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013    |
| Ông Đào Tiến Dương | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014    |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Duy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016     |
| Ông Ngô Văn Tĩnh    | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017   |
| Ông Phạm Văn Trọng  | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017   |
| Bà Ngô Thị Trang    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016     |
| Ông Nguyễn Hữu Bình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017     |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên             | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Kim Ngọc Nhân     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008     |
| Ông Dương Ngọc Trường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007     |
| Ông Nguyễn Văn Phi    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011    |
| Bà Đình Thị Thủy      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014    |
| Ông Trần Văn Trung    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015     |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017     |



**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kim Ngọc Nhân  
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017



Số: 426/2017/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2017, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Huy – Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1*

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2017



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>258.693.606.505</b> | <b>326.568.426.358</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>14.768.860.271</b>  | <b>32.693.330.449</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 14.768.860.271         | 19.063.330.449         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | 13.630.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>7.690.814.720</b>   | <b>5.445.814.720</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2         | 7.690.814.720          | 5.445.814.720          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>104.206.567.593</b> | <b>113.291.636.585</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3a        | 59.416.474.851         | 71.200.089.278         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 10.884.585.271         | 8.752.579.422          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 63.188.291.366         | 61.440.542.320         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (29.282.783.895)       | (28.101.574.435)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>123.864.291.782</b> | <b>163.547.157.380</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 123.864.291.782        | 163.547.157.380        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>8.163.072.139</b>   | <b>11.590.487.224</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 2.237.265.994          | 2.471.997.656          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 5.727.907.619          | 9.118.489.568          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.15        | 197.898.526            | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>122.338.233.185</b> | <b>105.833.656.807</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>37.058.816.585</b>  | <b>40.280.539.555</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        | V.3b        | 37.058.816.585         | 39.021.739.555         |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | -                      | 1.258.800.000          |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>74.910.421.778</b>  | <b>56.102.071.555</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 61.851.716.184         | 55.948.471.213         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 178.732.114.803        | 164.254.745.779        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (116.880.398.619)      | (108.306.274.566)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 13.058.705.594         | 153.600.342            |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 13.163.033.000         | 247.455.000            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (104.327.406)          | (93.854.658)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>358.601.788</b>     | <b>-</b>               |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 358.601.788            | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>3.473.702.876</b>   | <b>3.085.702.876</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.2         | 3.473.702.876          | 3.085.702.876          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>6.536.690.158</b>   | <b>6.365.342.821</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 512.510.341            | 375.601.224            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | 416.244.726            | 70.254.556             |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        | V.12        | 5.607.935.091          | 5.919.487.041          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>381.031.839.690</b> | <b>432.402.083.165</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>170.162.548.033</b> | <b>222.072.766.654</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>162.358.746.720</b> | <b>215.134.037.312</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13a       | 72.898.440.941         | 82.597.332.325         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 28.974.360.137         | 77.660.311.215         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 1.286.242.146          | 4.057.432.590          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 10.156.038.158         | 10.289.139.486         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 18.560.851.716         | 824.989.061            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.17        | 275.000.000            | 125.000.000            |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.18a       | 4.292.633.372          | 2.052.395.364          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.19        | 2.254.440.121          | 31.883.826.592         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | V.20        | 18.044.313.526         | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.21        | 5.616.426.603          | 5.643.610.679          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>7.803.801.313</b>   | <b>6.938.729.342</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        | V.13b       | 7.598.989.779          | 6.624.090.435          |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.18b       | 27.500.000             | 27.500.000             |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | 177.311.534            | 287.138.907            |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM


Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>210.869.291.657</b> | <b>210.329.316.511</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.22</b> | <b>210.869.291.657</b> | <b>210.329.316.511</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 172.000.000.000        | 172.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 172.000.000.000        | 172.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | (211.950.000)          | (211.950.000)          |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 5.195.161.084          | 4.919.376.871          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 13.151.180.998         | 13.525.189.172         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 11.806.343.696         | 13.525.189.172         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 1.344.837.302          | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 20.734.899.575         | 20.096.700.468         |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>381.031.839.690</b> | <b>432.402.083.165</b> |

 Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước       |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 267.986.551.307                   | 118.654.447.488 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                                 | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 267.986.551.307                   | 118.654.447.488 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 249.765.850.550                   | 107.751.608.473 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 18.220.700.757                    | 10.902.839.015  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 843.014.938                       | 1.484.192.990   |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 1.624.464.179                     | 2.472.939.337   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 705.119.043                       | 1.296.619.622   |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                                 | 789.508.022     |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 1.687.882.212                     | 24.714.727      |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 12.279.712.708                    | 7.417.980.938   |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 3.471.656.596                     | 3.260.905.025   |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 341.645.739                       | 23.366.073      |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 910.915.322                       | 1.192.116.118   |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | (569.269.583)                     | (1.168.750.045) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 2.902.387.013                     | 2.092.154.980   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | 1.290.533.486                     | 696.361.260     |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | (455.817.543)                     | 288.786.788     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | 2.067.671.070                     | 1.107.006.932   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 1.429.471.963                     | 1.108.649.594   |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | 638.199.107                       | (1.642.662)     |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9        | 83                                | 57              |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9        | 83                                | 57              |

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngô Văn Tĩnh

Đinh Thị Thủy



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|--|-----------|----------------|-----------------------------------|-------------------------|
|  |           |                | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                |                                   |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                | 2.902.387.013                     | 2.092.154.980           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                |                                   |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        |                | 9.176.324.078                     | 2.569.668.474           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                | 19.225.522.986                    | 440.000.000             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |                | 234.839.626                       | (11.035.833)            |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |                | (617.634.571)                     | (1.066.098.762)         |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | V.4            | 705.119.043                       | 1.296.619.622           |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                | -                                 | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                | 31.626.558.175                    | 5.321.308.481           |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                | 14.972.746.607                    | (18.034.931.884)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                | 39.682.865.598                    | 16.775.789.892          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                | (40.883.989.963)                  | (11.956.121.551)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                | 97.822.545                        | 1.927.588.023           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                | -                                 | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |                | (783.673.374)                     | (1.333.781.345)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |                | (1.890.502.324)                   | (4.787.666.958)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                | -                                 | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |                | (292.400.000)                     | (129.000.000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                | <b>42.529.427.264</b>             | <b>(12.216.815.342)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                |                                   |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |                | (28.343.276.089)                  | (305.227.273)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |                | 200.000.000                       | 711.818.182             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |                | (5.106.000.000)                   | (7.459.166.667)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |                | 2.473.000.000                     | 11.574.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |                | -                                 | (15.839.679.345)        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                | -                                 | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |                | 134.032.425                       | 1.173.869.567           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                | <b>(30.642.243.664)</b>           | <b>(10.144.385.536)</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                                   |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                                 | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                                 | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.19        | 26.879.640.538                    | 35.824.731.596         |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.19        | (56.509.027.009)                  | (40.628.557.189)       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính  | 35        |             | -                                 | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                                 | -                      |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>(29.629.386.471)</i>           | <i>(4.803.825.593)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ   | 50        |             | (17.742.202.871)                  | (27.165.026.471)       |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60        | V.1         | 32.693.330.449                    | 60.820.506.022         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (182.267.307)                     | (1.066.603)            |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ   | 70        | V.1         | 14.768.860.271                    | 33.654.412.948         |

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Ông Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

#### *Danh sách các Công ty con được hợp nhất*

| Tên công ty                              | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |                            | Số cuối kỳ    | Số đầu năm | Số cuối kỳ             | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại  | Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Thương mại                 | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |
| Công ty TNHH CM Xây dựng (*)             | Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp và Thương mại      | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)        | Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.                | Xây lắp và Thương mại      | 79,69%        | 79,69%     | 69,67%                 | 69,67%     |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV | Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông                             | Xây lắp                    | 68,44%        | 68,44%     | 68,44%                 | 68,44%     |

(\*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 413 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 430 nhân viên).



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con

15  
H  
G  
E  
N  
&  
H  
A



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 - 40       |
| Máy móc và thiết bị             | 3 - 10        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 10        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 2 - 5         |
| Tài sản cố định khác            | 3             |

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Nhận diện thương hiệu*

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhận diện thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **18. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy. Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

## **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

MỘT SỐ THÔNG TIN CHIA SẺ



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



1/2017

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                                  | 6.655.683.187                | 910.734.890                  |
| Tiền gửi ngân hàng                        | 8.113.177.084                | 18.152.595.559               |
| Các khoản tương đương tiền                | -                            | 13.630.000.000               |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | -                            | 13.630.000.000               |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>14.768.860.271</u></b> | <b><u>32.693.330.449</u></b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

|                    | <u>Số cuối kỳ</u>            |                              | <u>Số đầu năm</u>           |                             |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                    | <u>Giá gốc</u>               | <u>Giá trị ghi sổ</u>        | <u>Giá gốc</u>              | <u>Giá trị ghi sổ</u>       |
| <b>Ngắn hạn</b>    | <b>7.690.814.720</b>         | <b>7.690.814.720</b>         | <b>5.445.814.720</b>        | <b>5.445.814.720</b>        |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 7.690.814.720                | 7.690.814.720                | 5.445.814.720               | 5.445.814.720               |
| <b>Dài hạn</b>     | <b>3.473.702.876</b>         | <b>3.473.702.876</b>         | <b>3.085.702.876</b>        | <b>3.085.702.876</b>        |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 3.473.702.876                | 3.473.702.876                | 3.085.702.876               | 3.085.702.876               |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>11.164.517.596</u></b> | <b><u>11.164.517.596</u></b> | <b><u>8.531.517.596</u></b> | <b><u>8.531.517.596</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                 | -                     | -                     |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>               | <b>59.416.474.851</b> | <b>71.200.089.278</b> |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc                | 5.906.047.298         | 5.906.047.298         |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4         | 3.527.430.000         | -                     |
| Công ty SK Engineering and Construction           | 6.264.373.653         | 8.219.646.035         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch         | 2.474.221.102         | 15.376.487.348        |
| Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin        | 1.195.948.350         | 6.873.352.793         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn | 4.970.723.000         | -                     |
| Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV              | 19.125.059.727        | 15.365.681.496        |
| BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin     | 3.942.864.708         | -                     |
| Các khách hàng khác                               | 12.009.807.013        | 19.458.874.308        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>59.416.474.851</b> | <b>71.200.089.278</b> |

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>  | -                     | -                     |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>  | <b>37.058.816.585</b> | <b>39.021.739.555</b> |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc   | 8.021.217.725         | 8.021.217.725         |
| Công ty SK Engineering and Construction  | 13.842.814.177        | 12.129.708.772        |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4  | 6.941.879.000         | 5.772.774.000         |
| BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin  | -                     | 4.558.343.418         |
| Ban QLDA bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang | 3.500.000.000         | 3.500.000.000         |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1  | 2.691.000.000         | 2.691.000.000         |
| Các khách hàng khác  | 2.061.905.683         | 2.348.695.640         |
| <b>Cộng</b>  | <b>37.058.816.585</b> | <b>39.021.739.555</b> |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i>                         | -                     | -                    |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i>                        | <b>10.884.585.271</b> | <b>8.752.579.422</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất SUNECO             | 7.010.000.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Việt Anh | 1.000.000.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần Tư vấn & Kỹ thuật Abel Việt Nam                | -                     | 1.771.000.000        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo                    | -                     | 1.157.099.717        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát                  | -                     | 3.837.592.759        |
| Các nhà cung cấp khác  | 2.874.585.271         | 1.986.886.946        |
| <b>Cộng</b>  | <b>10.884.585.271</b> | <b>8.752.579.422</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | Số cuối kỳ            |                         | Số đầu năm            |                         |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
|   | Giá trị               | Dự phòng                | Giá trị               | Dự phòng                |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                     | <b>2.304.199.506</b>  | -                       | <b>1.828.967.958</b>  | -                       |
| Ông Kim Ngọc Nhân – tạm ứng                           | 1.983.181.142         | -                       | 1.346.270.868         | -                       |
| Bà Nguyễn Thị Loan - Tiền cho vay không tính lãi      | 40.000.000            | -                       | 200.000.000           | -                       |
| Ông Dương Ngọc Trường – tạm ứng                       | 281.018.364           | -                       | 282.697.090           | -                       |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>           | <b>60.884.091.860</b> | <b>(21.540.049.741)</b> | <b>59.611.574.362</b> | <b>(21.540.049.741)</b> |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn                         | 758.919.575           | -                       | 475.317.429           | -                       |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên         | 21.540.049.741        | (21.540.049.741)        | 21.540.049.741        | (21.540.049.741)        |
| Công ty TNHH Cavico Việt Nam                          | 11.969.807.312        | -                       | 12.610.656.272        | -                       |
| Công ty TNHH MTV Cavico khai thác mỏ Quảng Ninh       | 3.000.000.000         | -                       | 3.000.000.000         | -                       |
| Tạm ứng   | 1.993.344.678         | -                       | 1.848.391.072         | -                       |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn                              | 5.830.364.490         | -                       | 6.040.615.520         | -                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn (*) | 13.200.000.000        | -                       | 13.200.000.000        | -                       |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                      | 2.591.606.064         | -                       | 896.544.328           | -                       |
| <b>Cộng</b>   | <b>63.188.291.366</b> | <b>(21.540.049.741)</b> | <b>61.440.542.320</b> | <b>(21.540.049.741)</b> |

(\*) Khoản đặt cọc mua cổ phiếu căn cứ hợp đồng nguyên tắc ngày 6 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực nhận chuyển nhượng 6.600.000 cổ phiếu (20% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin với giá trị chuyển nhượng 66 tỷ đồng, đặt cọc 20% giá trị hợp đồng. Sau khi Công ty Vietin được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án có thu phí, các bên sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng chính thức.

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

**6. Nợ xấu**

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu về tiền bán hàng của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

|  | Số cuối kỳ        |                | Số đầu năm        |                           |   |
|--|-------------------|----------------|-------------------|---------------------------|---|
|  | Thời gian quá hạn | Giá gốc        | Thời gian quá hạn | Giá gốc                   |   |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên        | Trên 3 năm        | 21.540.049.741 | -                 | Trên 3 năm 21.540.049.741 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm              | Trên 3 năm        | 2.267.704.120  | -                 | Trên 3 năm 2.267.704.120  | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện            | Trên 3 năm        | 704.446.925    | -                 | Trên 3 năm 704.446.925    | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa | Trên 3 năm        | 62.500.000     | -                 | Trên 3 năm 62.500.000     | - |
| Công ty Cổ phần Anh Cao                              | Trên 3 năm        | 55.850.000     | -                 | Trên 3 năm 55.850.000     | - |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | Thời gian<br>quá hạn          | Số cuối kỳ            |                           | Thời gian<br>quá hạn          | Số đầu năm            |                           |
|--|-------------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------------|
|  |                               | Giá gốc               | Giá trị có<br>thể thu hồi |                               | Giá gốc               | Giá trị có<br>thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Cavico<br>Xây dựng Hạ tầng                         | Trên 3 năm                    | 28.000.000            | -                         | Trên 3 năm                    | 28.000.000            | -                         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và<br>Xây dựng Đô thị Hà Nội                | Trên 3 năm                    | 50.000.000            | -                         | Trên 3 năm                    | 50.000.000            | -                         |
| Công ty Cổ phần Khai thác<br>và Chế biến Khoáng sản<br>Thành Vương | Trên 3 năm                    | 440.000.000           | -                         | Trên 3 năm                    | 440.000.000           | -                         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện<br>Sông Bạc                              | Từ 2 năm<br>đến dưới 3<br>năm | 5.906.047.298         | 1.771.814.189             | Từ 1 năm<br>đến dưới 2<br>năm | 5.906.047.298         | 2.953.023.649             |
| <b>Cộng</b>  |                               | <b>31.054.598.084</b> | <b>1.771.814.189</b>      |                               | <b>31.054.598.084</b> | <b>2.953.023.649</b>      |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

|                            | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                            | Năm nay                           | Năm trước             |
| Số đầu năm                 | 28.101.574.435                    | 17.566.224.628        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.181.209.460                     | 440.000.000           |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>29.282.783.895</b>             | <b>18.006.224.628</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường          | 510.390.791            | 62.481.000             |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 7.893.050.387          | 8.229.752.850          |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 115.150.358.432        | 154.760.172.914        |
| Thành phẩm                           | 160.252.268            | 160.252.268            |
| Hàng hóa                             | 150.239.904            | 334.498.348            |
| <b>Cộng</b>                          | <b>123.864.291.782</b> | <b>163.547.157.380</b> |

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ             | 832.417.226          | 1.397.266.817        |
| Chi phí xuất nhập cảnh lao động     | 491.513.332          | -                    |
| Phí bảo lãnh                        | 414.826.778          | 470.504.949          |
| Chi phí sửa chữa                    | 298.876.451          | 301.437.613          |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 199.632.207          | 302.788.277          |
| <b>Cộng</b>                         | <b>2.237.265.994</b> | <b>2.471.997.656</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ            | -                  | 365.643.117        |
| Chi phí sửa chữa                   | 474.595.755        | -                  |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 37.914.586         | 9.958.107          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>512.510.341</b> | <b>375.601.224</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| 9. Tài sản cố định hữu hình           | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá                            |                        |                        |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm                            | 23.447.872.516         | 91.959.401.567         | 47.136.807.255                  | 740.280.788               | 970.383.653          | 164.254.745.779        |
| Mua trong kỳ                          | -                      | 15.069.096.301         | -                               | -                         | -                    | 15.069.096.301         |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                      | (591.727.277)                   | -                         | -                    | (591.727.277)          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>23.447.872.516</b>  | <b>107.028.497.868</b> | <b>46.545.079.978</b>           | <b>740.280.788</b>        | <b>970.383.653</b>   | <b>178.732.114.803</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |                                 |                           |                      |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                      | 10.847.113.947         | 557.289.573                     | 364.108.848               | -                    | 11.768.512.368         |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                      | -                               | -                         | -                    | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                        |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm                            | 5.346.539.358          | 67.802.263.935         | 33.462.578.141                  | 724.509.479               | 970.383.653          | 108.306.274.566        |
| Khấu hao trong kỳ                     | 1.135.206.336          | 5.236.632.922          | 2.763.970.753                   | 30.041.319                | -                    | 9.165.851.330          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                      | (591.727.277)                   | -                         | -                    | (591.727.277)          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>6.481.745.694</b>   | <b>73.038.896.857</b>  | <b>35.634.821.617</b>           | <b>754.550.798</b>        | <b>970.383.653</b>   | <b>116.880.398.619</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                        |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm                            | 18.101.333.158         | 24.157.137.632         | 13.674.229.114                  | 15.771.309                | -                    | 55.948.471.213         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>16.966.126.822</b>  | <b>33.989.601.011</b>  | <b>10.910.258.361</b>           | <b>(14.270.010)</b>       | <b>-</b>             | <b>61.851.716.184</b>  |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |                                 |                           |                      |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                      | -                               | -                         | -                    | -                      |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                      | -                               | -                         | -                    | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | Quyền sử dụng đất     | Nhãn hiệu, tên thương mại | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng                  |
|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                       |                           |                                |                       |
| Số đầu năm                            | -                     | 209.455.000               | 38.000.000                     | 247.455.000           |
| Mua trong kỳ                          | 12.915.578.000        | -                         | -                              | 12.915.578.000        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>12.915.578.000</b> | <b>209.455.000</b>        | <b>38.000.000</b>              | <b>13.163.033.000</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                           |                                |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                     | -                         | 38.000.000                     | 38.000.000            |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                       |                           |                                |                       |
| Số đầu năm                            | -                     | 55.854.658                | 38.000.000                     | 93.854.658            |
| Khấu hao trong kỳ                     | -                     | 10.472.748                | -                              | 10.472.748            |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>-</b>              | <b>66.327.406</b>         | <b>38.000.000</b>              | <b>104.327.406</b>    |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                       |                           |                                |                       |
| Số đầu năm                            | -                     | 153.600.342               | -                              | 153.600.342           |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>12.915.578.000</b> | <b>143.127.594</b>        | <b>-</b>                       | <b>13.058.705.594</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                           |                                |                       |
| Tạm thời không sử dụng                | -                     | -                         | -                              | -                     |
| Đang chờ thanh lý                     | -                     | -                         | -                              | -                     |

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ         |
|--|------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Công trình tòa nhà văn phòng CMVIETNAM | -          | 358.601.788                | -                            | -                    | 358.601.788        |
| <b>Cộng</b>  | <b>-</b>   | <b>358.601.788</b>         | <b>-</b>                     | <b>-</b>             | <b>358.601.788</b> |

**12. Lợi thế thương mại**

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV.

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                   | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm        | 5.919.487.041        | -                    |
| Số phát sinh      | -                    | 6.231.038.991        |
| Số phân bổ        | (311.551.950)        | -                    |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>5.607.935.091</b> | <b>6.231.038.991</b> |

T  
A  
I  
A  
I  
T  
A  
N  
H

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                         | -                            | -                            |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                     | <b>72.898.440.941</b>        | <b>82.597.332.325</b>        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải | 18.398.338.158               | 25.749.712.711               |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương Mại Thanh Phú         | -                            | 6.592.656.000                |
| Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng                 | 6.038.825.952                | 6.038.825.952                |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát             | 11.361.309.005               | 2.586.373.842                |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 37.099.967.826               | 41.629.763.820               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>72.898.440.941</u></b> | <b><u>82.597.332.325</u></b> |

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>             | -                           | -                           |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>         | <b>7.598.989.779</b>        | <b>6.624.090.435</b>        |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505                   | 2.979.182.278               | 2.979.182.278               |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp                         | 2.401.825.000               | 2.401.825.000               |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát | 1.132.301.645               | 126.482.172                 |
| Các nhà cung cấp khác                         | 1.085.680.856               | 1.116.600.985               |
| <b>Cộng</b>                                   | <b><u>7.598.989.779</u></b> | <b><u>6.624.090.435</u></b> |

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i>                      | -                            | -                            |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i>                    | <b>28.974.360.137</b>        | <b>77.660.311.215</b>        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hud Sài Gòn | 3.049.960.800                | 6.799.894.000                |
| BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomim               | -                            | 49.662.602.983               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn           | 17.000.000.000               | -                            |
| Duglas Alliance   | 4.378.000.000                | 4.378.000.000                |
| Công ty SK Engineering and Construction                     | 4.176.149.494                | 7.953.918.365                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch                   | -                            | 8.672.852.101                |
| Các khách hàng khác   | 370.249.843                  | 193.043.766                  |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>28.974.360.137</u></b> | <b><u>77.660.311.215</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm           |          | Số phát sinh trong kỳ |                         |                      | Số cuối kỳ           |                    |
|--|----------------------|----------|-----------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
|  | Phải nộp             | Phải thu | Số phải nộp           | Số đã thực nộp          | Tăng giảm khác (*)   | Phải nộp             | Phải thu           |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 2.049.619.923        | -        | 6.615.820.471         | (8.526.737.588)         | (241.687.326)        | -                    | 102.984.520        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 1.588.094.299        | -        | 1.290.533.486         | (1.890.502.324)         | -                    | 988.125.461          | -                  |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 259.138.660          | -        | 336.168.530           | (439.809.391)           | (119.765.007)        | 130.646.798          | 94.914.006         |
| Các loại thuế khác                     | -                    | -        | 12.000.000            | (12.000.000)            | -                    | -                    | -                  |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 160.579.708          | -        | 303.537.118           | (296.646.939)           | -                    | 167.469.887          | -                  |
| <b>Cộng</b>                            | <b>4.057.432.590</b> | <b>-</b> | <b>8.419.356.799</b>  | <b>(11.165.696.242)</b> | <b>(222.749.527)</b> | <b>1.286.242.146</b> | <b>197.898.526</b> |

(\*) Khoản giảm thuế GTGT hàng nội địa theo quyết định kiểm tra thuế số 7761 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của cơ quan thuế tại Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

- Khoản giảm thuế thu nhập cá nhân theo quyết toán thuế TNCN năm 2016 của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm         |
|---|-----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>           | -                     | -                  |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>18.560.851.716</i> | <i>824.989.061</i> |
| Chi phí lãi vay phải trả                    | -                     | 78.554.331         |
| Trích trước chi phí công trình              | 18.477.796.528        | 640.848.960        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác          | 83.055.188            | 105.585.770        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>18.560.851.716</b> | <b>824.989.061</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước cho các đối tượng không phải bên liên quan.

#### 18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

##### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>          | -                    | -                    |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 4.292.633.372        | 2.052.395.364        |
| Kinh phí công đoàn                         | 247.835.057          | 276.271.776          |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp         | 1.242.403.882        | 292.705.487          |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                 | 1.262.480.000        | -                    |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn              | 899.769.353          | 1.114.930.426        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác           | 640.145.080          | 368.487.675          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>4.292.633.372</b> | <b>2.052.395.364</b> |

##### 18b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

#### 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|  | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|----------------------|-----------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>                            | -                    | -                     |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>                  | 2.254.440.121        | 31.883.826.592        |
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 2.254.440.121        | 31.550.493.592        |
| Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt <sup>(i)</sup> | -                    | 15.655.207.185        |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(ii)</sup>                         | 2.254.440.121        | 15.895.286.407        |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | -                    | 333.333.000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.254.440.121</b> | <b>31.883.826.592</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|  | <u>Số đầu năm</u>     | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>    |
|--|-----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                 | 31.550.493.592        | 16.402.251.307                        | (45.698.304.778)                   | 2.254.440.121        |
| Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(iii)</sup>              | -                     | 10.477.389.231                        | (10.477.389.231)                   | -                    |
| <i>Bà Nguyễn Thị Loan – Bên liên quan</i>              | -                     | 2.677.389.231                         | (2.677.389.231)                    | -                    |
| <i>Vay các cá nhân khác – Không phải bên liên quan</i> | -                     | 7.800.000.000                         | (7.800.000.000)                    | -                    |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                | 333.333.000           | -                                     | (333.333.000)                      | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>31.883.826.592</b> | <b>26.879.640.538</b>                 | <b>(56.509.027.009)</b>            | <b>2.254.440.121</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 tháng hoặc 05 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (iii) Khoản vay các cá nhân không có lãi suất, không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động.

#### 20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

|                   | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |           |
|-------------------|-----------------------------------|-----------|
|                   | Năm nay                           | Năm trước |
| Số đầu năm        | -                                 | -         |
| Tăng do trích lập | 18.044.313.526                    | -         |
| Số cuối kỳ        | <u>18.044.313.526</u>             | <u>-</u>  |

#### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Tăng do trích        |                    |                      | Số cuối kỳ           |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
|                                   | Số đầu năm           | lập từ lợi nhuận   | Chi quỹ trong kỳ     |                      |
| Quỹ khen thưởng                   | 3.500.345.315        | -                  | (252.000.000)        | 3.248.345.315        |
| Quỹ phúc lợi                      | 2.143.265.364        | -                  | (40.400.000)         | 2.102.865.364        |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | -                    | 265.215.924        | -                    | 265.215.924          |
| Cộng                              | <u>5.643.610.679</u> | <u>265.215.924</u> | <u>(292.400.000)</u> | <u>5.616.426.603</u> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|  | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước                           | 172.000.000.000        | (211.950.000)        | 3.972.746.872         | 29.915.332.837                    | 2.642.604.579                   | 208.318.734.288        |
| Lợi nhuận trong kỳ trước                   | -                      | -                    | -                     | 1.108.649.594                     | -                               | 1.108.649.594          |
| Trích lập các quỹ                          | -                      | -                    | 946.629.999           | (946.629.999)                     | -                               | -                      |
| Thù lao HĐQT                               | -                      | -                    | -                     | (129.000.000)                     | -                               | (129.000.000)          |
| Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát | -                      | -                    | -                     | (28.454)                          | 28.454                          | -                      |
| Tăng do hợp nhất                           | -                      | -                    | -                     | -                                 | 16.535.378.339                  | 16.535.378.339         |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                | <b>172.000.000.000</b> | <b>(211.950.000)</b> | <b>4.919.376.871</b>  | <b>29.948.323.978</b>             | <b>19.178.011.372</b>           | <b>225.833.762.221</b> |
| Số dư đầu năm nay                          | 172.000.000.000        | (211.950.000)        | 4.919.376.871         | 13.525.189.172                    | 20.096.700.468                  | 210.329.316.511        |
| Lợi nhuận trong kỳ này                     | -                      | -                    | -                     | 1.429.471.963                     | -                               | 1.429.471.963          |
| Trích lập các quỹ                          | -                      | -                    | 275.784.213           | (541.000.137)                     | -                               | (265.215.924)          |
| Chia cổ tức, lợi nhuận                     | -                      | -                    | -                     | (1.262.480.000)                   | -                               | (1.262.480.000)        |
| Tăng do hợp nhất                           | -                      | -                    | -                     | -                                 | 638.199.107                     | 638.199.107            |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>                   | <b>172.000.000.000</b> | <b>(211.950.000)</b> | <b>5.195.161.084</b>  | <b>13.151.180.998</b>             | <b>20.734.899.575</b>           | <b>210.869.291.657</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 22b. Cổ phiếu

|                                     | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 17.200.000        | 17.200.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 17.200.000        | 17.200.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 17.200.000        | 17.200.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -                 | -                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -                 | -                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 17.200.000        | 17.200.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 17.200.000        | 17.200.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 22c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

|                               |            |
|-------------------------------|------------|
|                               | VND        |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 94.275.739 |

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 23a. Ngoại tệ các loại

|                 | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 1.272,75          | 12.655,37         |
| Kip Lao (LAK)   | 650.080,20        | 1.147.366,20      |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                               |
|----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
|                                  | <u>Năm nay</u>                    | <u>Năm trước</u>              |
| Doanh thu bán hàng hóa           | 9.911.664.056                     | 30.267.146.652                |
| Doanh thu bán thành phẩm         | -                                 | 571.200.000                   |
| Doanh thu khai thác quặng bauxit | 17.922.209.122                    | -                             |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ       | 333.636.364                       | 3.626.421.930                 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng      | 239.819.041.765                   | 84.189.678.906                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>267.986.551.307</u></b>     | <b><u>118.654.447.488</u></b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

|                                 | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                 | Năm nay                           | Năm trước              |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 6.876.348.322                     | 29.679.564.919         |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | -                                 | 276.476.160            |
| Giá vốn khai thác quặng bauxit  | 18.652.926.645                    | -                      |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 252.960.261                       | 3.233.106.786          |
| Giá vốn hợp đồng xây dựng       | 223.983.615.322                   | 74.562.460.608         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>249.765.850.550</b>            | <b>107.751.608.473</b> |

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---|-----------------------------------|----------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước            |
| Lãi tiền gửi  | 517.358.404                       | 1.113.580.519        |
| Lãi tiền cho vay  | -                                 | 73.819.375           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 325.656.534                       | 285.533.075          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                                 | 11.260.021           |
| <b>Cộng</b>   | <b>843.014.938</b>                | <b>1.484.192.990</b> |

#### 4. Chi phí tài chính

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------------------------------|----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí lãi vay  | 705.119.043                       | 1.296.619.622        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 684.505.510                       | 551.388.796          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 234.839.626                       | -                    |
| Chi phí tài chính khác   | -                                 | 624.930.919          |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.624.464.179</b>              | <b>2.472.939.337</b> |

#### 5. Chi phí bán hàng

Là chi phí dịch vụ mua ngoài.

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 5.065.927.938                     | 3.886.691.752        |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 140.000                           | 283.333.335          |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 284.116.949                       | 423.278.233          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.340.087.625                     | 857.815.729          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 164.532.713                       | 163.258.449          |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi     | 1.181.209.460                     | 440.000.000          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.267.317.655                     | 1.348.828.829        |
| Các chi phí khác                 | 976.380.368                       | 14.774.611           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>12.279.712.708</b>             | <b>7.417.980.938</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Thu nhập khác

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|--|-----------------------------------|-------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước         |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 200.000.000                       | -                 |
| Lãi thanh lý vật tư, thiết bị            | 46.818.182                        | -                 |
| Thu nhập khác                            | 94.827.557                        | 23.366.073        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>341.645.739</b>                | <b>23.366.073</b> |

### 8. Chi phí khác

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---|-----------------------------------|----------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước            |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư    | -                                 | 272.570.805          |
| <i>Thu từ thanh lý</i>  | -                                 | 711.818.182          |
| <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i>             | -                                 | 984.388.987          |
| Thuế bị phạt, bị truy thu                                       | 345.880.625                       | 867.036.004          |
| Giảm thuế GTGT còn được khấu trừ theo quyết định thanh tra thuế | 211.809.468                       | -                    |
| Chi phí khác  | 353.225.229                       | 52.509.309           |
| <b>Cộng</b>   | <b>910.915.322</b>                | <b>1.192.116.118</b> |

### 9. Lãi trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ    | 1.429.471.963                     | 1.108.649.594 |
| Thù lao Hội đồng quản trị  | -                                 | (129.000.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                           | 1.429.471.963                     | 979.649.594   |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 17.200.000                        | 17.200.000    |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                   | <b>83</b>                         | <b>57</b>     |

#### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 63.287.622.860                    | 14.238.481.221        |
| Chi phí nhân công                | 43.771.878.160                    | 34.862.223.326        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.176.324.078                     | 2.569.668.474         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 129.810.926.275                   | 32.690.679.787        |
| Chi phí khác                     | 3.045.740.419                     | 3.142.228.048         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>249.092.491.792</b>            | <b>87.503.280.856</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |             |
|---|-----------------------------------|-------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước   |
| <i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i> |                                   |             |
| Phụ cấp chi trả cho HĐQT                | 69.000.000                        | 129.000.000 |
| Tạm ứng cho thành viên HĐQT             | 2.264.199.506                     | 993.736.410 |

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                     | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|---------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                     | Năm nay                           | Năm trước          |
| Tiền lương, phụ cấp | 896.419.697                       | 933.400.000        |
| <b>Cộng</b>         | <b>896.419.697</b>                | <b>933.400.000</b> |

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

#### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|   | Khu vực<br>trong nước  | Khu vực<br>nước ngoài | Cộng                   |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Kỳ này</b>   |                        |                       |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 229.256.678.473        | 38.729.872.834        | 267.986.551.307        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                      | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>229.256.678.473</b> | <b>38.729.872.834</b> | <b>267.986.551.307</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 14.118.341.468         | 4.687.043.696         | 18.220.700.757         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                       | (13.967.594.920)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                       | 4.253.105.837          |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                       | 843.014.938            |
| Chi phí tài chính   |                        |                       | (1.624.464.179)        |
| Thu nhập khác   |                        |                       | 341.645.739            |
| Chi phí khác  |                        |                       | (910.915.322)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                       | (1.290.533.486)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                       | 455.817.543            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                        |                       | <b>2.067.671.070</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>16.352.986.781</b>  | <b>60.909.091</b>     | <b>16.413.895.872</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>2.562.207.901</b>   | <b>1.342.941.323</b>  | <b>3.905.149.224</b>   |
| <b>Cùng kỳ năm trước</b>  |                        |                       |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 62.335.715.044         | 56.318.732.444        | 118.654.447.488        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                      | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>62.335.715.044</b>  | <b>56.318.732.444</b> | <b>118.654.447.488</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 5.228.518.098          | 5.674.320.917         | 10.902.839.015         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                       | (7.442.695.665)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                       | 3.460.143.350          |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                       | 1.484.192.990          |
| Chi phí tài chính   |                        |                       | (2.472.939.337)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                                 |                        |                       | 789.508.022            |
| Thu nhập khác   |                        |                       | 23.366.073             |
| Chi phí khác  |                        |                       | (1.192.116.118)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                       | (696.361.260)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                       | (288.786.788)          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                        |                       | <b>1.107.006.932</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>52.269.693</b>      | <b>291.727.273</b>    | <b>343.996.966</b>     |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>1.735.412.612</b>   | <b>1.716.292.339</b>  | <b>3.451.704.951</b>   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:

|  | <b>Khu vực<br/>trong nước</b> | <b>Khu vực<br/>nước ngoài</b> | <b>Cộng</b>            |
|--|-------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |                               |                               |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 201.608.455.751               | 46.719.735.507                | 248.328.191.258        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 10.439.833.465                | 2.977.473.917                 | 13.417.307.382         |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                               |                               | 118.974.789.101        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                               |                               | <b>380.720.287.741</b> |
| <br>                                   |                               |                               |                        |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 144.314.806.083               | 9.345.948.529                 | 153.660.754.612        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 9.829.172.154                 | 2.803.311.357                 | 12.632.483.511         |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                               |                               | 3.869.309.910          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                               |                               | <b>170.162.548.033</b> |
| <br>                                   |                               |                               |                        |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                               |                               |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 296.428.692.533               | 42.041.344.314                | 338.470.036.848        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 2.628.420.435                 | 372.778.787                   | 3.001.199.222          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                               |                               | 90.930.847.095         |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                               |                               | <b>432.402.083.165</b> |
| <br>                                   |                               |                               |                        |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 65.197.415.302                | 12.587.895.913                | 77.785.311.215         |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 111.874.314.100               | 21.599.970.102                | 133.474.284.202        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                               |                               | 10.813.171.237         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                               |                               | <b>222.072.766.654</b> |

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

|                     | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                        |
|---------------------|--|------------------------|
|                     | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>       |
| Lĩnh vực xây lắp    | 239.819.041.765                          | 84.189.678.906         |
| Lĩnh vực thương mại | 9.911.664.056                            | 30.267.146.652         |
| Lĩnh vực khác       | 18.255.845.486                           | 4.197.621.930          |
| <b>Cộng</b>         | <b>267.986.551.307</b>                   | <b>118.654.447.488</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

 Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân